

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /2013/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết các thủ tục hành chính
theo mô hình “một cửa liên thông” đối với các dự án đầu tư
ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...3949..... Ngày: 17/5.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003; Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Đầu tư ngày 29/11/2005; Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005; Luật Quy hoạch đô thị ngày 29/6/2009; Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về vấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ Quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư; Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 704/KHĐT-TTĐT và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 54/BC-STP ngày 07/5/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết các thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo mô hình “một cửa liên thông”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công thương;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chánh và các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo Ninh Bình;
- Website tỉnh Ninh Bình;
- Lưu VT, VP4,2,3,5,6,7,8,9,10.

vv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Trị

QUY CHẾ

**Phối hợp trong giải quyết các thủ tục hành chính
theo mô hình “một cửa liên thông” đối với các dự án đầu tư
ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07 /2013/QĐ-UBND ngày 15 /5/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc thực hiện, cơ chế phối hợp và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến quá trình thực hiện đầu tư và hoạt động của các dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo cơ chế "một cửa liên thông" tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Trung tâm), trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính.
2. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có dự án đầu tư, hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là nhà đầu tư).
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Các thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế “một cửa liên thông” tại Trung tâm

1. Thủ tục đăng ký thành lập và hoạt động doanh nghiệp.
2. Thủ tục chấp thuận chủ trương và địa điểm xây dựng.
3. Thủ tục cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (Giấy CNĐT).
4. Thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ).
5. Thủ tục đánh giá tác động môi trường (ĐTM).
6. Thủ tục cấp phép xây dựng.
7. Thủ tục cấp giấy phép lao động đối với lao động là người nước ngoài.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguyên tắc chung
 - a) Tuân thủ pháp luật;
 - b) Công khai, minh bạch;

- c) Quy trình cụ thể, rõ ràng, thống nhất;
- d) Thủ tục tiếp nhận đơn giản, thuận tiện;
- e) Tiếp nhận, xử lý đúng thẩm quyền;
- f) Phối hợp trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

2. Nguyên tắc cụ thể

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ và nhận kết quả tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" của Trung tâm.

b) Trung tâm có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ theo Quy chế này; trực tiếp liên hệ với các Sở, ban, ngành có liên quan để giải quyết hồ sơ, thủ tục theo thẩm quyền và trả kết quả cho nhà đầu tư theo thời gian quy định.

c) Các Sở, ban, ngành liên quan sau khi tiếp nhận hồ sơ, thủ tục từ Trung tâm chuyển đến có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết hồ sơ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan mình và trả kết quả cho Trung tâm theo đúng thời gian quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân tỉnh về kết quả giải quyết hồ sơ.

d) Cán bộ, viên chức của Trung tâm có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ khi tiếp nhận; chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; đồng thời, theo dõi, đôn đốc quá trình giải quyết của các cơ quan liên quan và nhận, trả kết quả theo đúng thời hạn quy định. Trường hợp quá thời hạn nhưng chưa có kết quả, phải báo cáo Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư kịp thời giải quyết.

e) Thủ tục hồ sơ, lệ phí và thời gian giải quyết các TTHC được niêm yết công khai tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm.

Tùy từng trường hợp cụ thể về tiến độ, nhu cầu của nhà đầu tư, có thể tiếp nhận từng hồ sơ theo trình tự thực hiện dự án hoặc tiếp nhận nhiều hồ sơ, thủ tục liên quan cùng lúc, nếu đáp ứng được yêu cầu.

f) Các Sở, ban, ngành có TTHC liên quan tại Điều 3 Quy chế này, có trách nhiệm rà soát, công khai rõ ràng các mẫu hồ sơ và quy định về lập hồ sơ các TTHC thuộc lĩnh vực do đơn vị mình quản lý theo hướng đơn giản hoá; đồng thời, phải gửi 01 bộ mẫu hồ sơ về Trung tâm để tập hợp, công khai tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả"; trường hợp có thay đổi, phải thông báo kịp thời cho Trung tâm.

g) Đối với các TTHC không thuộc diện thực hiện theo Quy chế này, Trung tâm có trách nhiệm hỗ trợ nhà đầu tư trong việc liên hệ với cơ quan chức năng có liên quan để được giải quyết nếu có yêu cầu. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu về việc thực hiện dịch vụ tư vấn các loại hồ sơ, thủ tục quy định tại Điều 3 Quy chế này, bộ phận chuyên trách của Trung tâm sẽ trực tiếp thực hiện thông qua hợp đồng tư vấn hoặc giới thiệu đơn vị tư vấn có năng lực để thực hiện dịch vụ cho nhà đầu tư.

Điều 5. Cơ chế phối hợp giải quyết các TTHC

1. "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" của Trung tâm có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ từ nhà đầu tư, cập nhật vào sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, viết giấy

biên nhận. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì ngay tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc ngay trong ngày làm việc phải hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trực tiếp hoặc bằng văn bản để nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh theo đúng như nội dung đã niêm yết công khai tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả".

Trong thời hạn tối đa một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" lập phiếu luân chuyển hồ sơ ghi rõ thời hạn giải quyết, gửi đến các cơ quan chủ trì xem xét, giải quyết giải quyết (trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15^h00 thì thời gian giải quyết hồ sơ được bắt đầu tính vào ngày làm việc liền kề).

Các loại phí, lệ phí nhà đầu tư nộp tại "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả", Trung tâm có trách nhiệm viết phiếu thu, chuyển phí, lệ phí đến đơn vị chủ trì giải quyết theo đúng quy định.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm phân công "Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả" thuộc đơn vị mình tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm, khi tiếp nhận phải ký xác nhận vào phiếu luân chuyển hồ sơ và chuyển lãnh đạo xử lý để chuyển cho bộ phận chức năng ngay trong ngày; chỉ đạo việc giải quyết và trả kết quả về Trung tâm theo Quy chế này.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định, chưa có kết quả giải quyết gửi về Trung tâm vì lý do khách quan, cơ quan chủ trì giải quyết phải thông báo về Trung tâm lý do chậm trễ và thời gian hẹn trả kết quả, để Trung tâm thông báo kịp thời cho nhà đầu tư.

Các Sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm phân công cán bộ có đủ năng lực trực tiếp giải quyết hồ sơ tại cơ quan, thông báo danh sách về Trung tâm biết để phối hợp công tác. Mọi yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ các Sở, ngành có trách nhiệm chuyển văn bản đề nghị bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đến Trung tâm ngay trong ngày phát hành văn bản để thông báo đến nhà đầu tư kịp thời.

Chương II

TRÌNH TỰ TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TRUNG TÂM

Mục 1

ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 6. Thủ tục đăng ký thành lập và hoạt động doanh nghiệp.

1. Thời gian giải quyết: Năm (05) ngày làm việc.
2. Trình tự giải quyết:
 - a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư ngay trong ngày nhận hồ sơ.
 - b) Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết và chuyển kết quả về Trung tâm: Năm (05) ngày làm việc.

c) Trung tâm nhận và trả kết quả cho nhà đầu tư ngay trong ngày nhận được kết quả.

3. Thủ tục hồ sơ: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 7. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và địa điểm xây dựng

1. Thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thời gian giải quyết: Mười hai (12) ngày làm việc.

3. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc; trong đó bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của các ngành liên quan là năm (05) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận về chủ trương đầu tư và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

4. Hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư lập gồm các tài liệu sau: Tờ trình (văn bản) đề nghị xin chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư; Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập doanh nghiệp; phương án quy hoạch tổng mặt bằng; trích lục vị trí xin thực hiện dự án; báo cáo năng lực tài chính; cam kết của nhà đầu tư về sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, về tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo các tiêu chí về bảo vệ môi trường và sử dụng lao động địa phương.

b) Số lượng: Tám (08) bộ

Điều 8. Thủ tục xác nhận/điều chỉnh Giấy xác nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư có mức vốn dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Thời gian giải quyết: Mười hai (12) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, cấp/điều chỉnh Giấy xác nhận đầu tư và chuyển kết quả về Trung tâm: Mười (10) ngày làm việc.

c) Trung tâm trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Hồ sơ để xác nhận/điều chỉnh xác nhận đăng ký đầu tư: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 9. Thủ tục cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có mức vốn dưới 300 tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Thời gian giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc.
2. Trình tự giải quyết:
 - a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.
 - b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT: Mười (10) ngày làm việc;
 - c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc;
 - d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.
3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 10. Thủ tục cấp Giấy CNĐT đối với dự án có mức vốn trên 300 tỷ đồng); dự án có mức vốn dưới 300 tỷ đồng, thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Thời gian giải quyết: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc.
2. Trình tự giải quyết:
 - a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.
 - b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy CNĐT: Hai mươi (20) ngày làm việc.
 - c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.
 - d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.
3. Hồ sơ để thẩm tra cấp Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 11. Thủ tục điều chỉnh Giấy CNĐT đối với dự án có mức vốn trên 300 tỷ VNĐ; thẩm tra điều chỉnh Giấy CNĐT đối với dự án có mức vốn dưới 300 tỷ VNĐ, thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Thời gian giải quyết: Ba mươi (30) ngày làm việc.
2. Trình tự giải quyết:
 - a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.
 - b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy CNĐT điều chỉnh dự án đầu tư: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra điều chỉnh Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 12. Thủ tục cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT đối với dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Thời gian giải quyết: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, lấy ý kiến các Bộ quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh bổ sung quy hoạch hoặc chủ trương đầu tư: Hai mươi (20) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT đối với dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài mức vốn dưới 300 tỷ đồng và điều chỉnh dự án đầu tư

1. Thời gian giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT: Mười (10) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp/điều chỉnh Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra Đăng ký đầu tư và điều chỉnh dự án: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 14. Thủ tục cấp Giấy CNĐT đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài mức vốn từ 300 tỷ đồng trở lên, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không gắn với thành lập doanh nghiệp; chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nước ngoài thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần

1. Thời gian giải quyết: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy CNĐT: Hai mươi (20) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra, cấp Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 15. Thủ tục cấp Giấy CNĐT đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài khác

1. Thời gian giải quyết: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy CNĐT: Hai mươi (20) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra cấp Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 16. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh Giấy CNĐT dự án có vốn đầu tư nước ngoài

1. Thời gian giải quyết: Ba mươi (30) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Giấy CNĐT: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Ba (03) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra cấp điều chỉnh Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 17. Thủ tục cấp Giấy CNĐT điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, đăng ký đổi Giấy CNĐT đối với trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được cấp trước ngày 01/7/2006

1. Thời gian giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, lấy ý kiến các ngành liên quan và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy CNĐT dự án đầu tư: Ba (03) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp/ điều chỉnh Giấy CNĐT và thông báo kết quả về Trung tâm: Hai (02) ngày làm việc.

d) Trung tâm trực tiếp nhận kết quả tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra cấp điều chỉnh Giấy CNĐT: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Mục 2 **GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Điều 18. Thủ tục cấp phép xây dựng (đối với dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy CNĐT)

1. Thời gian giải quyết: Mười bảy (17) ngày làm việc;

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển hồ sơ đến Sở Xây dựng: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Xây dựng tổ chức cấp giấy phép xây dựng và chuyển kết quả về Trung tâm: Mười lăm (15) ngày làm việc.

c) Trung tâm trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ đề cấp phép xây dựng: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Mục 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 19. Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Thời gian giải quyết:

a) Đối với dự án phức tạp: Bốn mươi lăm (45) ngày làm việc.

b) Đối với các dự án còn lại: Ba mươi (30) ngày làm việc.

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và chuyển trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt theo ủy quyền và chuyển kết quả về Trung tâm: Bốn mươi ba (43) ngày làm việc đối với các dự án phức tạp và hai mươi tám (28) ngày làm việc đối với các dự án còn lại (không bao gồm thời gian nhà đầu tư chỉnh sửa, làm lại hồ sơ theo yêu cầu).

c) Trung tâm trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ đề Thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM: thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Mục 4

GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 20. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Thời gian giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính).

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và trực tiếp chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, cấp Giấy CNQSDĐ và thông báo kết quả cho Trung tâm: Mười ba (13) ngày làm việc.

c) Trung tâm thông báo kết quả cho nhà đầu tư để nhà đầu tư đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký sổ và nhận GCNQSDĐ: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ đề thẩm tra cấp Giấy CNQSDĐ: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 21. Giao đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân người Việt nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài

1. Thời gian giải quyết: Hai mươi (20) ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính và thời gian giải phóng mặt bằng).

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trực tiếp chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê đất hoặc giao đất: Chín (09) ngày làm việc.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, cho thuê đất hoặc giao đất: Ba (03) ngày làm việc.

d) Giao đất tại hiện trường: Hai (02) ngày làm việc (đối với trường hợp thuê đất: Sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho Trung tâm mời nhà đầu tư tiến hành giao đất).

e) Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất: Hai (02) ngày làm việc.

f) Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy CNQSDĐ (trường hợp được ủy quyền) và thông báo kết quả cho Trung tâm: Hai (02) ngày làm việc.

g) Trung tâm thông báo kết quả cho nhà đầu tư để nhà đầu tư đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký sổ và nhận Giấy CNQSDĐ: Một (01) ngày làm việc.

(Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất: Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giao đất, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo và chuyển số liệu cho cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất. Cơ quan thuế có trách nhiệm xác định nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc và chuyển tới Trung tâm để thông báo cho nhà đầu tư. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính, nhà đầu tư nộp chứng từ thuế tại Trung tâm để chuyển tới Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục giao đất tại hiện trường và cấp Giấy CNQSDĐ theo quy trình và thời gian như trên).

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất và cấp Giấy CNQSDĐ: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 22. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất

1. Thời gian giải quyết: Mười (10) ngày làm việc (không kể thời gian người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng thực hiện nghĩa vụ tài chính).

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và trực tiếp chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chính lý (hoặc cấp mới), thông báo kết quả về Trung tâm: Tám (08) ngày làm việc.

c) Trung tâm thông báo kết quả cho nhà đầu tư để nhà đầu tư đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký sổ và nhận Giấy CNQSDĐ: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để thẩm tra cấp Giấy CNQSDĐ: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Mục 5

CẤP PHÉP LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 23. Thủ tục cấp giấy phép lao động, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động đối với lao động là người nước ngoài

1. Thời gian giải quyết: Mười hai (12) ngày làm việc (riêng trường hợp cấp lại là năm (05) ngày làm việc).

2. Trình tự giải quyết:

a) Trung tâm tiếp nhận hồ sơ hợp lệ chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Một (01) ngày làm việc.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét giải quyết và chuyển kết quả về Trung tâm: Mười (10) ngày làm việc (riêng trường hợp cấp lại: Ba (03) ngày làm việc).

c) Trung tâm trả kết quả cho nhà đầu tư: Một (01) ngày làm việc.

3. Thủ tục hồ sơ để cấp phép lao động đối với lao động là người nước ngoài: Thực hiện theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý), Giám đốc các Sở, ban, ngành liên quan báo cáo tình hình và kết quả thực hiện TTHC thuộc phạm vi của mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban chỉ đạo.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo giải quyết các thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo), có trách nhiệm chỉ đạo, điều phối công tác phối hợp các cơ quan liên quan và Trung tâm trong giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa liên thông". Thành viên Ban Chỉ đạo gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư làm Phó Trưởng Ban, các thành viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành có liên quan.

Ban Chỉ đạo định kỳ họp mỗi quý một lần để chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh; trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định triệu tập họp đột xuất để xem xét, giải quyết.

Các thành viên thường trực Ban Chỉ đạo định kỳ họp giao ban hàng tuần hoặc họp đột xuất, để giải quyết các vướng mắc phát sinh cần phải tháo gỡ ngay cho nhà đầu tư trong quá trình giải quyết hồ sơ, thủ tục hoặc trong quá trình nhà đầu tư triển khai dự án. Tùy theo tính chất cuộc họp giao ban có thể mời các thành viên khác trong Ban chỉ đạo tham dự. Ý kiến kết luận của cuộc họp Ban chỉ đạo là cơ sở để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

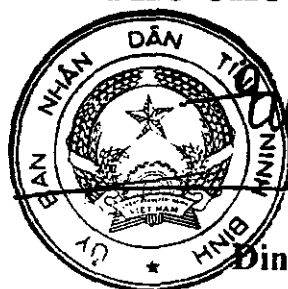
Quy chế hoạt động cụ thể của Ban chỉ đạo do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Giám đốc các Sở, ban, ngành, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này; đồng thời tổ chức phổ biến, triển khai đến các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư để thực hiện.

3. Trường hợp những quy định về trình tự thủ tục giải quyết công việc liên quan đến Quy chế này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước đây khác hoặc trái với nội dung tại Quy chế này thì thực hiện theo Quy chế này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Trị